

20% ung bướu

1. Nguồn nước nhiễm Asenic ghi nhận thường gặp ung thư:
  - a. Buồng trứng, cổ tử cung
  - b. Da, phổi, bàng quang
  - c. Dạ dày và đại trực tràng
  - d. Khoang miệng, thực quản
2. Đặc điểm chết theo lập trình
  - a. Dựa vào men tiêu thể
  - b. Liên quan đến ty thể
  - c. Tiến trình không thể điều hòa
  - d. Là cơ chế của quá trình hoại tử mô
3. Cơ quan nào thường bị ung thư di căn đến nhất
  - a. Não
  - b. Gan
  - c. Xương
  - d. Phổi
4. Tế bào bướu điều khiển vi môi trường quanh bướu, chọn câu sai:
  - a. Điều khiển nguyên bào sợi xung quanh thành CAF phụ cho sự phát triển của bướu
  - b. Tb bướu điều khiển T-reg ức chế các tế bào T khác
  - c. Vi môi trường quanh bướu ngày càng bị bướu điều khiển
  - d. Vi môi trường quanh bướu ngày càng nhiều cytokin chống bướu
5. Chức năng của protein E6 và E7 của HPV
  - a. Ức chế tb MD cơ thể chủ
  - b. Bất hoạt TSG p53 và Rb của cơ thể chủ
  - c. Protein chủ tham gia nuôi virus
  - d. Hoạt hóa p53 và Rb của cơ thể chủ
6. Ung thư nào sau đây thường cho di căn xa đến gan nhất

- a. Ung thư vú
  - b. Ung thư cổ tử cung
  - c. Ung thư trực tràng
  - d. Ung thư phổi
7. Xác định db gen giúp ích cho việc điều trị UT, ngoại trừ
- a. Chuẩn đoán được hầu hết ung thư trong mọi trường hợp
  - b. Phân nhóm tiên lượng giúp phân loại điều trị bệnh
  - c. Tư vấn tầm soát phát hiện sớm các loại UT di truyền
  - d. Lựa chọn thuốc nhắm trúng đích phân tử phù hợp
8. Món ăn nào có nguy cơ chứa chất sinh ung
- a. Sườn nướng
  - b. Tôm hấp nước dứa
  - c. Thịt kho trứng
  - d. Thịt gà xé phay
9. Đột biến thêm chức năng EGFR thường gặp trong UT
- a. Xương
  - b. Bàng quang
  - c. Thận
  - d. Phổi
10. U ác trung mô có những đặc điểm sau, ngoại trừ
- a. Thường di căn theo các khoang cơ thể
  - b. Thường di căn theo mạch máu
  - c. Thường di căn theo mạch lympho
  - d. Không câu nào đúng
11. Các chốt kiểm soát miễn dịch, chọn câu sai
- a. Có 2 loại chốt: điều hòa âm và điều hòa dương
  - b. Tb UT biểu hiện nhiều chốt kiểm soát MD điều hòa dương
  - c. Các chốt kiểm soát MD có ở cả tb lành và tb bướng
  - d. Có sự tương tác giữa tb UT và tb T thông qua các chốt kiểm soát MD
12. Phát biểu nào sau đây đúng
- a. Tb tua là tb thực bào mạnh mẽ và hiệu quả
  - b. Lympho B tấn công các tác nhân xâm nhập cơ thể bằng

KT

- c. Sự trưởng thành của ĐTB giúp tạo KT nhanh và mạnh mẽ
  - d. TB tua và ĐTB là tb chính tham gia đáp ứng MDTN
13. Tế bào nào có nồng độ telomerase cao nhất
- a. Tế bào sinh dưỡng
  - b. Tế bào gốc
  - c. Tinh trùng
  - d. Cả A và C
14. Khi chưa gắn phối tử, cấu trúc điều hòa hoạt động tyrosine kinase bằng cách ngăn chặn bắt cặp của thụ thể:
- a. Vùng cận màng
  - b. Vùng nội bào
  - c. Vùng xuyên màng
  - d. Vùng ngoại bào
15. Phát biểu sai
- a. Tb T biệt hóa, trưởng thành rồi đi đến mô bướu
  - b. TB tua nhận diện KN bướu và trình diện cho tb T
  - c. Tb T tiêu diệt chính xác và đặc hiệu tb bướu do nhận diện KN bướu
  - d. Sự phóng thích KN bướu đòi hỏi tb tua phải trưởng thành đầy đủ
16. TH nào sau đây được xem là di căn xa bằng đường máu
- a. UT gan phát triển nhiều khối u trong nhu mô gan
  - b. UT phổi đi đến phổi đối bên
  - c. UT cổ tử cung đến siết niệu quản
  - d. UT dạ dày di căn đến buồng trứng
17. Trong UT đại tràng có tăng biểu hiện EGFR, KRAS có bị đột biến không? Nếu có thì vai trò của KRAS trong việc điều trị bằng KT chống EGFR
- a. ĐB KRAS gây đề kháng với thuốc
  - b. ĐB KRAS không ảnh hưởng đến điều trị
  - c. ĐB KRAS tăng nhạy cảm với thuốc
  - d. ĐB KRAS không gặp trong UT đại tràng

18. Vấn đề hút thuốc, chọn câu sai:

- a. Hút thuốc lá điện tử và nhai thuốc lá ăn toàn về mặt sinh ung hơn thuốc lá bình thường
- b. Thuốc lá có đầu lọc ít độc hơn thuốc lá không có đầu lọc
- c. Vừa nghiện thuốc lá vừa nghiện rượu bia tăng nguy cơ UT phổi thực quản lên 40 lần
- d. Bắt đầu hút thuốc lúc thiếu niên có nguy cơ bị UT cao hơn lúc trưởng thành

19. Phân loại điều trị MD, chọn câu đúng

- a. Dùng tb HMD là pp thụ động
- b. PP thụ động dùng điều trị sau khi bệnh đã di căn
- c. Truyền sản phẩm của HMD là pp điều trị chủ động
- d. Kích thích HMD bằng tb MD là phương pháp chủ động

20. Sự cân bằng giữa MD chống bứu và ức chế MD chống bứu, chọn câu đúng

- a. Quá trình tăng cường hay ức chế MD chống bứu là cân bằng động do nhiều yếu tố chi phối
- b. Quá trình ức chế MD chống bứu do T-reg bị ức chế
- c. Các chất ức chế MD giúp tăng cường khả năng chống bứu

d. Quá trình bộc lộ KN bứu diễn ra mạnh nhất trong lúc phẫu thuật

21. Một BN nam 56 tuổi được chẩn đoán UT gan đa ổ, chiếm gần trọn nhu mô gan, không thấy di căn đến cơ quan khác. Nguyên nhân nào sau đây gây biến chứng ở bệnh nhân này nhiều nhất

- a. Suy chức năng gan
- b. Gây chèn ép đường tiêu hóa
- c. Tắc mật
- d. Vỡ ổ bụng gây xuất huyết nội

22. Vaccin điều trị UT, chọn câu đúng

- a. Dùng các cytokin để kích thích MD chống bứu
- b. Dùng các KT đơn dòng ức chế các KN bứu
- c. Dùng các tb MD để huấn luyện nhận diện chống KN

bướu đặc hiệu

d. Dùng KN bướu giảm độc lực để kích thích phản ứng KN-KT chống bướu

23. U ác biểu mô có các đặc điểm vi thể sau, chọn câu sai:

- a. Tb đa diện
- b. Mất phân cực tb
- c. Nhân tăng sắc
- d. Phân bào ba cực

24. Tb UT thoát khỏi sự tấn công của tb NK và ĐTB, chọn câu đúng

- a. Tb UT gắn với tb bạch cầu để không bị nhận diện
- b. Tb UT tăng cường biểu hiện CD47 để không bị nhận diện
- c. Tb UT tăng cường biểu hiện CRT để không bị nhận diện
- d. Tb bướu gắn các tiểu cầu lên bề mặt nên dễ tập kết vào thành mạch nên dễ bị tiêu diệt

25. Đặc điểm sau đây quan trọng nhất cho thấy tb UT ác tính

- a. Mất gắn kết với mô xung quanh
- b. Tb dị dạng, to nhỏ không đều
- c. TB có nhân tăng sắc, dị dạng
- d. Tb xâm lấn vào xung quanh

26. Chọn câu đúng, đặc điểm của telomere

- a. Dài thêm sau mỗi lần tb nhân đôi
- b. Là thành phần gần tâm của NST
- c. Là những cấu trúc giàu Thymin
- d. Liên quan đến chết tế bào theo lập trình

27. Phát biểu sai

- a. UT phổi và melanom là 2 loại UT có tính sinh miễn dịch cao nhất
- b. Các dạng UT khác nhau có tính sinh MD khác nhau
- c. Tính sinh MD của các tb Ut hầu như giống nhau giữa các loại UT
- d. Tính sinh MD càng cao chứng tỏ tb càng có nhiều đột biến

28. Vd nào sau đây không phải do UT xâm lấn trực tiếp
- UT dạ dày gây reo rắc phúc mạc
  - UT đại tràng gây tắc ruột
  - UT cổ tử cung gây rò trực tràng, âm đạo
  - UT gan gây tắc nghẽn đường mật
29. Sự hiệu chỉnh MD, phát biểu nào sau đây sai:
- Tb Ut ngày càng trở nên đa dạng hơn, HMD không đủ sức loại trừ
  - Sự đột biến liên tục của tb UT làm chúng ngày càng trở nên đa dạng
  - Gồm 3 gđ: Cân bằng- Đào thoát- Tái cân bằng
  - Gồm 3 gđ: Loại trừ- Cân bằng- Đào thoát
30. Con đường nội hay ngoại sinh của apoptosis đều thông qua
- Caspase 3
  - Caspase 8
  - Caspase 9
  - Caspase 10
31. Ở đk bình thường, gen p53 đóng vai trò trong tế bào
- Gen sửa chữa DNA
  - Gen đè nén bướu (TSG)
  - Gen ức chế tb chết theo lập trình
  - Gen tiền sinh ung (proto-oncogene)
32. Tb UT phản công lại HMD, chọn câu sai:
- Tiết TGF-beta để ức chế tb MD
  - Tiết TNF-alpha để ức chế tb MD
  - Tăng biểu hiện Fas-L để tiêu diệt tb T
  - Kích thích Treg ức chế các tb miễn dịch
33. Loại mạch máu nào dễ bị xâm lấn
- Mao mạch
  - Động mạch
  - Tiểu động mạch
  - Tĩnh mạch
34. BN 54 tuổi được chuẩn đoán UT vú trái, các hạch nách và hạch trên đòn thấy phình to và kết dính. X-quang phổi thấy khối

u rải rác ở cả 2 phổi. Con đường di căn hợp lý nhất là

- a. Phổi – Hạch nách- Hạch trên đòn
- b. Hạch nách- Hạch trên đòn- Phổi
- c. Hạch trên đòn- Hạch nách- Phổi
- d. Phổi- Hạch trên đòn- Hạch nách

35. Trên LS có di căn xa sau khi điều trị (vd khoảng 5 năm) mặc dù tại chỗ không tái phát. Giải thích hợp lý nhất cho TH này là?

- a. Hiệu quả của DỨMD chống bướu
- b. Sự ngưng đông của tb UT sau khi đã di căn đến cơ quan xa
- c. Sự khó khăn của tb UT khi phải sống sót trong HTH
- d. Sự khó khăn của quá trình xâm lấn tại chỗ của bướu

nguyên phát

36. Chọn câu sai:

- a. Trong CML, bệnh thường diễn tiến chậm
- b. Có đột biến chuyển vị NST
- c. Tế bào tăng sinh bất thường
- d. Hoạt hóa gen Bcr-2

37. U lành có tính chất sau ngoại trừ

- a. Có giới hạn rõ
- b. Phát triển lên bề mặt
- c. Bờ gồ cao, loét trung tâm
- d. Mặt cắt đồng nhất

38. Chọn câu sai

- a. DUMD TN chỉ do lym T đảm nhiệm
- b. DUMD thụ động là tác nhân đầu tiên tấn công lại tác nhân lạ xâm nhập cơ thể

c. DUMD thụ động chống bướu sẽ ghi nhớ KN bướu giúp tb TN đáp ứng mạnh mẽ và chính xác hơn

- d. Sự điều hòa DUMD lên cả MD TN và MD thụ động

39. Aflatoxin là độc tố của nấm Aspergillus. Nhiễm độc tố này sẽ gây UT nào?

- a. Dạ dày
- b. Đại tràng
- c. Gan

- d. Tụy
40. Chọn câu sai về gen RET
- a. ĐB lq đến hội chứng MEN
  - b. Thường biểu hiện ở tb thần kinh-nội tiết
  - c. Đột biến tăng chức năng gây ra bệnh Hirschsprung
  - d. Là thụ thể trên tb TK đệm
41. Hoạt tính nào sau đây ít gặp trong u lành
- a. Kích thước lớn
  - b. Tb u giống tb bth
  - c. Biệt hóa rõ
  - d. Phát triển chậm
42. Loại u lành nào sau đây chứa tất cả loại mô:
- a. U quái
  - b. U sợi
  - c. U tuyến
  - d. U cơ trơn
43. UT cổ tử cung thường cho di căn hạch nào nhất
- a. Hạch trên đòn trái
  - b. Hạch chậu
  - c. Hạch bẹn
  - d. Hạch cạnh ĐM chủ bụng
44. Phát biểu đúng
- a. Tb UT nếu được giám sát miễn dịch chặt chẽ sẽ cho di căn
  - b. Tb UT thoát khỏi giám sát MD
  - c. Tính sinh ung và giám sát miễn dịch là 2 quá trình chính của hiệu chỉnh miễn dịch
  - d. Tb đột biến nếu đc giám sát MD chặt chẽ sẽ không sống sót trở thành tb UT
  - e. Tb UT đã thoát khỏi hệ miễn dịch trở nên rất ác tính nên gọi là tb mầm
45. Tb UT xâm lấn mô xung quanh bằng cách
- a. Theo mạch máu đến các mô xung quanh
  - b. Tiết ra các chất gây tiêu hủy các mô xung quanh



- c. Gia tăng slg chèn ép các mô xung quanh
  - d. Đi vào mạch bạch huyết đến các mô xung quanh
46. Khả năng nào sau đây không diễn ra ở hạch lympho khi tb UT đi tới hạch
- a. Theo mạch lympho đi về phía hạch
  - b. Nhóm tiếp theo theo ĐM vào máu
  - c. Nhóm tiếp theo theo TM vào máu
  - d. Trở lại hạch thành khối di căn hạch
47. Trong các loại tia dưới đây, tia nào có khả năng gây đột biến gen:
- a. Tia X
  - b. Tia hồng ngoại
  - c. Tia laser
  - d. Cả 3 loại trên
48. UT biểu mô ác tính có tính chất sau, ngoại trừ:
- a. Mặt cắt thường không đồng nhất
  - b. Thường hoại tử
  - c. Giới hạn thường rõ
  - d. Bờ tua gai
49. Để đáp ứng và phát triển trong môi trường của cơ quan di căn xa, tb UT cần có:
- a. Các DB liên quan đến gen di truyền di căn
  - b. Các DB liên quan đến gen đề nén bướu
  - c. Các DB liên quan đến gen sinh bướu
  - d. Các DB liên quan đến gen độc lực di căn (?)
50. Các tb UT giảm gắn kết với mô xung quanh là do:
- a. Các tb hình dạng bất thường không khớp với mô xung quanh
  - b. Các tb kích thước bất thường không khớp với mô xung quanh
  - c. Phát triển nhanh gây đứt mối nối với mô xung quanh
  - d. Tiết ra các hóa chất tiêu hủy các cầu nối xung quanh với mô liên kết
51. Phát biểu nào sau đây đúng về DB gen trong bệnh UT:

- a. Đột biến gen KRAS trong UT phổi, UT trực tràng
  - b. Đa số bệnh UT có tính di truyền vì do ĐB gen gây nên
  - c. ĐB gen p53 gặp trong UT gan nhưng không gặp trong UT vú
  - d. ĐB gen không xuất hiện thêm khi bướu đã được phát hiện
52. Chọn câu đúng về gen đè nén bướu
- a. Gen đè nén bướu được phát hiện khi nghiên cứu bệnh nguyên bào võng mạc
  - b. Giúp ngăn ngừa sự thành lập bướu
  - c. Bất hoạt 1 trong 2 gen sẽ gây mất chức năng đè nén bướu
  - d. Gen RAS là một gen đè nén bướu
53. Các bằng chứng LS về MD chống bướu, chọn câu sai:
- a. Bướu nguyên bào TK có thể tự thoái lui nếu cơ thể có ĐỨMD tốt
  - b. Những người ghép tạng thường bị UT ngay chính cơ quan đã ghép
  - c. BN bị HIV giai đoạn cuối thường mắc nhiều loại UT
  - d. Vi môi trường xung quanh bướu thường có nhiều tb MD
54. UT nào sau đây thường cho di căn xa tới xương nhất:
- a. UT đại tràng
  - b. UT vú
  - c. UT gan
  - d. UT phổi
55. Chọn câu đúng về db gen p53 trong UT
- a. ĐB p53 gặp trong nhiều UT khác nhau
  - b. ĐB p53 hiếm gặp trong UT đại tràng
  - c. ĐB làm tb dễ chết theo lập trình
  - d. ĐB thường làm thêm chức năng
56. Các tb bình thường nối với nhau bằng
- a. Intergrin
  - b. E-cadherin
  - c. Fibronectin
  - d. Laminin

57. Chọn câu sai. Đặc điểm của hội chứng Lynch
- Mất chức năng pr sửa chữa bắt cặp sai
  - Di truyền theo gen lặn
  - Có thể gây ra nhiều loại UT khác
  - Chiếm 2-5% UT đại tràng
58. Chọn câu đúng về gen RAS:
- ĐB gen gặp trong hơn 50% số bướu ở người
  - ĐB thường gặp nhất là ĐB điểm, thường gặp trong carcinôm ở phổi
  - Bản chất của pr RAS là thụ thể yếu tố tăng trưởng
  - Thường gặp trong carcinôm ở phổi
59. Khi men HDAC bất hoạt,
- Tăng methyl hóa DNA
  - NST chuyển sang trạng thái đóng
  - Tăng biểu hiện gen
  - Tăng acetyl hóa lysine
60. Cơ chế tb bướu thoát khỏi HMD, chọn câu sai:
- Tăng cường KN bề mặt bướu
  - Tb T không nhận diện được KN bướu
  - ĐB gen tạo thành phức hợp MHC
  - ĐB không tạo được KN bề mặt bướu
61. Khi tế bào bướu lưu thông trong HTH, vị trí thoát thường gặp nhất là:
- Tiểu ĐM
  - ĐM
  - MM
  - TM
62. Các loại UT liên quan đến nghề nghiệp thường xảy ra ở cơ quan nào?
- Phổi do đường hô hấp trên
  - Hệ tạo huyết
  - Đường tiêu hóa
  - Mọi cơ quan trên cơ thể
63. Tb UT di chuyển khỏi mô xung quanh bằng cách

- a. Di chuyển bằng chân giả kiểu amip
  - b. Tăng trưởng nhanh, gia tăng áp lực xung quanh
  - c. Di chuyển nhờ dòng dịch chuyển dịch nội bào
  - d. Di chuyển nhờ hóa hướng động
64. Quá trình cơ học của di căn xa bắt đầu bằng
- a. Di chuyển trong lòng mạch máu
  - b. Xuyên thành thành mạch máu
  - c. Di chuyển đến thành mạch máu
  - d. Xuyên thành mô xung quanh
65. Lối sống tránh UT, chọn câu đúng
- a. Uống rượu bia vừa phải, không để say
  - b. Tập thể dục đều đặn, tránh béo phì
  - c. Ăn uống hợp khẩu vị nhưng phải vệ sinh
  - d. Khám sức khỏe định kỳ mỗi 6 tháng
66. Cách nào sau đây quan trọng nhất có thể làm giảm di căn xa
- a. Dự trữ và giữ KS mạnh
  - b. KS mạnh trong một số TH UT
  - c. Phát hiện và điều trị hiệu quả ở giai đoạn sớm
  - d. Điều trị bằng những thuốc hóa trị đặc hiệu sớm ngay từ lúc phát hiện bệnh
  - e. Điều trị bằng những thuốc tăng cường MD cơ thể
67. Trong con đường truyền tin vào tb, phân tử nào sau đây kiểm soát tín hiệu đi vào:
- a. KRAS
  - b. STAT5
  - c. PTEN
  - d. PRAF
68. UT nào sau đây dễ xâm lấn mô quanh quanh chuyển thành UT khác
- a. UT dạ dày
  - b. UT đại trực tràng (T)
  - c. UT thực quản
  - d. UT đại trực tràng (P)
69. Trong bệnh UT tuyến tụy, db của gen KRAS thường gặp ở

codon nào?

- a. 8
- b. 10
- c. 12
- d. 14

70. Tổn thương tiền UT có các đặc điểm sau, chọn câu sai

- a. Thường có khả năng khả hồi
- b. Nhân tb lớn tăng sắc
- c. Tăng số lượng tb
- d. Màng đáy không còn nguyên vẹn